

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2023/HNGĐ-ST

Ngày 09/3/2023

“V/v: Yêu cầu không công nhận là vợ chồng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Liên

2. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Cảnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Thuận, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2023, tại Hội trường xét xử trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1002/2022/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 11 năm 2022, về việc: “Không công nhận là vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Bá Quốc T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số 15 A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt

Bị đơn: Bà Trần Thị Thu T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số 15 A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Địa chỉ liên hệ: số 66/3/6 Nguyễn Văn C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn ông Lê Bá Quốc T trình bày có nội dung như sau:

Ông T và bà Trần Thị Thu T nguyên chung sống với nhau tại số 15 A, buôn Păn L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk từ năm 2007, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Sau khi chung sống cùng nhau vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, bà Trần Thị Thu T không quan tâm chăm sóc đến gia

đình vợ con nên mâu thuẫn vợ chồng phát sinh căng thẳng và sống ly thân cho đến nay, nay ông T xét thấy không còn tình cảm với bà Trần Thị Thu T nữa nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông T với bà Trần Thị Thu T là vợ chồng.

Về con chung, ông T và bà Trần Thị Thu T có hai con chung là Lê Trần Hà V, sinh ngày 18/6/2008 và Lê Trần Như N, sinh ngày 05/01/2011, hiện nay các con chung đang sống cùng với ông T nên ông T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, ông T không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn bà Trần Thị Thu T trình bày:

- Bà Trần Thị Thu T và ông Lê Bá Quốc T tự nguyện chung sống với nhau tại số 15 A, buôn Păn L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk từ năm 2007, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Sau khi chung sống cùng nhau vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc đến nhau nữa, sau đó mâu thuẫn vợ chồng phát sinh căng thẳng và sống ly thân cho mỗi người một nơi cho đến nay, nay ông T xét thấy vợ chồng không còn tình cảm nữa nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông T với bà Trần Thị Thu T là vợ chồng, thì bà T đồng ý và không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận bà T và ông T là vợ chồng.

Về con chung, bà T và ông T có hai con chung là Lê Trần Hà V, sinh ngày 18/6/2008 và Lê Trần Như N, sinh ngày 05/01/2011, hiện nay các con chung đang sống cùng với ông T nên ông T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi thành niên, thì bà T đồng ý và không có ý kiến gì.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, bà T, ông T không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung, bà T, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử của Thẩm phán và tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Bá Quốc T.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Lê Bá Quốc T và bà Trần Thị Thu T là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Lê Trần Hà V, sinh ngày 18/6/2008 và Lê Trần Như N, sinh ngày 05/01/2011 cho ông Lê Bá Quốc T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Bà Trần Thị Thu T có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông T, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông T, bà T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn ông Lê Bá Quốc T và bà Trần Thị Thu T có cư trú và sinh sống tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Lê Bá Quốc T và bà Trần Thị Thu T có đơn xin, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà T là phù hợp với Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà T tự nguyện chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình chung sống, thì vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, bà T không quan tâm chăm sóc đến gia đình vợ con nên mâu thuẫn vợ chồng phát sinh căng thẳng và sống ly thân cho đến nay, nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông T với bà Trần Thị Thu T là vợ chồng.

Tại biên bản xác minh của Tòa án chính quyền địa phương cho biết ông T và bà T chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, sau khi kết hôn ông T và bà T có cư trú và sinh sống tại số 15 A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Về mâu thuẫn vợ chồng thì được biết vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, dẫn đến vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc đến nhau nữa, hiện vợ chồng đã sống ly thân và các con chung là Lê Trần Hà V, sinh ngày 18/6/2008 và Lê Trần Như N, sinh ngày 05/01/2011 đang ở cùng với ông T và do ông T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc các con chung.

Xét Quan hệ hôn nhân ông T và bà T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2007 nhưng không có đăng ký kết hôn, đây là quan hệ hôn nhân không hợp pháp, nên không được pháp luật thừa nhận. Nay ông T và bà T đều yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông T và bà T là vợ chồng là có căn cứ, cần chấp nhận.

[4]. Về con chung: Hiện nay ông T đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Trần Hà V, sinh ngày 18/6/2008 và Lê Trần Như N, sinh ngày 05/01/2011, hiện ông T đang trực tiếp nuôi dưỡng nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung và để

ổn định cuộc sống của con chung cần giao cháu V, cháu N cho ông Lê Bá Quốc T được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Bà Trần Thị Thu T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Ông T không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

[6]. Về án phí: Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15; Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Bá Quốc T.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Lê Bá Quốc T và bà Trần Thị Thu T là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Lê Trần Hà V, sinh ngày 18/6/2008 và Lê Trần Như N, sinh ngày 05/01/2011 cho ông Lê Bá Quốc T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Bà Trần Thị Thu T có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông T, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông T, bà T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông Lê Bá Quốc T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà ông T đã nộp (Nguyễn Văn P nộp thay) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2021/0022619 ngày 15/11/2022.

Đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *TA tỉnh Đắk Lắk;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- CCTHADS TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu: HS + VP.

đã ký

Lê Đình Thanh